

Bản án số: 873/2019/HNGĐ -ST
Ngày: 27-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Ngọc Thúy

2/ Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 446/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Phương Y, sinh năm: 1980; địa chỉ: F4B đường T, Phường O, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: F6/6A đường L, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1976; địa chỉ: 374B đường P, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2019, bản tự khai ngày 26/6/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn, bà Hoàng Phương Y trình bày: bà và ông Nguyễn Thanh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận F cấp ngày 10/12/2007. Khi về chung sống với nhau thì thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc, từ năm 2016 ông L có những thay đổi trong cách giải quyết công như không có sự bàn bạc giữa hai vợ chồng để cùng đưa ra giải pháp trong công việc. Thường xuyên giấu những việc làm ăn

của ông L từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Năm 2016 bà sinh con thứ hai nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn nên bà và các con đã dọn về nhà mẹ ruột của bà để sinh sống. Trong thời gian sống ly thân thì ông L vẫn thỉnh thoảng đến thăm hai con nhưng không chu cấp tiền để bà nuôi hai con. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Nguyễn Thanh L nên bà yêu cầu ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: bà và ông Nguyễn Thanh L có với nhau 02 (hai) người con chung tên là: Nguyễn Long K, sinh ngày 27/6/2008 và Nguyễn Hoàng Yến A, sinh ngày 07/8/2016. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai trẻ Nguyễn Long K và Nguyễn Hoàng Yến A. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tham gia tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: bà Hoàng Phương Y và ông Nguyễn Thanh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007 và có đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân giữa bà Y và ông L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo bà Y trình bày thì vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2016 nguyên nhân là do trong công việc ông L không có sự bàn bạc với bà, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ năm 2016 đến nay thì bà Y và ông L đã sống ly thân với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Y và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà Y được ly hôn với ông L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: giao hai trẻ Nguyễn Long K, sinh ngày 27/6/2008 và Nguyễn Hoàng Yến A, sinh ngày 07/8/2016 cho bà Y nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Về tài sản chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hoàng Phương Y có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh L nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông L đến Tòa án để tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Thanh L vẫn tiếp tục vắng mặt. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường E, Quận F thì ông Nguyễn Thanh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: 374B đường P, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 9/2018 vắng mặt tại địa phương đi đâu không rõ. Xét trong đơn khởi kiện bà Hoàng Phương Y đã cung cấp nơi cư trú của ông Nguyễn Thanh L là địa chỉ: 374B đường P, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là nơi cư trú cuối cùng của ông Nguyễn Thanh L, là nơi ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú và được cơ quan Công an xác nhận nên có căn cứ để xác định nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ9-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà Hoàng Phương Y thì từ năm 2016 thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Trong công việc vợ chồng bà không có sự bàn bạc để cùng nhau đưa ra giải pháp chung, những việc làm ăn của ông L thì ông L thường xuyên giấu không cho bà biết từ đó mà vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Từ năm 2016 đến nay thì vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau

Hội đồng xét xử xét thấy, Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...” nhưng giữa vợ chồng bà Hoàng Phương Y và ông Nguyễn Thanh L đã không có sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân với nhau, hiện nay ông L sinh sống ở đâu thì bà Y cũng không biết điều này chứng tỏ ông L và bà Y không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông L đến Tòa để động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông L đều vắng mặt. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Hoàng Phương Y và ông Nguyễn Thanh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Hoàng Phương Y được ly hôn với ông Nguyễn Thanh L là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Căn cứ vào trích lục khai sinh số 259/2008/TLKS-BS ngày 11/7/2011 và trích lục khai sinh số 246/TLKS-BS ngày 28/9/2016 do Ủy ban nhân dân Phường O, Quận J cấp thì bà Hoàng Phương Y và ông Nguyễn Thanh L có với nhau 02 (hai) người con chung tên là: Nguyễn Long K, sinh ngày 27/6/2008 và Nguyễn Hoàng Yến A, sinh ngày 07/8/2016. Theo bà Hoàng Phương Y trình bày thì hiện nay hai trẻ K và Yến A đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng và bà Hoàng Phương Y yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Tại đơn trình bày nguyện vọng của trẻ Nguyễn Long K thì trẻ K có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao hai trẻ Nguyễn Long K, sinh ngày

27/6/2008 và Nguyễn Hoàng Yên A, sinh ngày 07/8/2016 cho bà Hoàng Phương Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Hoàng Phương Y nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ9-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ vợ chồng: bà Hoàng Phương Y được ly hôn với ông Nguyễn Thanh L

Giấy chứng nhận kết hôn số 138, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận F cấp ngày 10/12/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao hai trẻ Nguyễn Long K, sinh ngày 27/6/2008 và Nguyễn Hoàng Yên A, sinh ngày 07/8/2016 cho bà Hoàng Phương Y tiếp tục nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Bà Hoàng Phương Y có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Thanh L đến thăm nom chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác

5. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Hoàng Phương Y nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011244 ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà Y đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Ủy ban nhân dân P.E, Q.F
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn